

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 6 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;
2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phiêu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Cẩm N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số nhà 532, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 187, ấp 3, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Cẩm N trình bày:*

Chị Đỗ Thị Cẩm N và Anh Lê Văn H chung sống với nhau tổ chức đám cưới vào năm 2017 và đăng ký kết hôn ngày 28/3/2019, tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn anh chị có quen biết, tìm hiểu nhau từ năm 2015 đến khi đám cưới. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Thời gian đầu chị N và Anh H chung sống với nhau hạnh phúc. Sau khi đám cưới thì chị N chung sống với Anh H tại số nhà 187, ấp 3, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Đến tháng 3 năm 2020, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị N nhận số tiền 3.000.000 đồng của người khác đóng hụi cho mẹ chị N, chị N để tiền trong phòng ngủ của vợ chồng và đi tắm khoảng 15 phút sau thì phát hiện mất tiền, chị N mới hỏi Anh H có lấy tiền để trả tiền cho người khác không thì Anh H nói không có, mà còn đổ lỗi cho chị N lấy tiền cho người khác, hai bên cãi nhau, Anh H điện thoại cho cha mẹ chị N đến rước chị N về, chị N bỏ nhà chồng về sống ở nhà cha mẹ ruột tại địa chỉ: số nhà 532, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp và sống ly thân với Anh H từ đó cho đến nay. Từ lúc vợ chồng ly thân đến nay, chị N và Anh H cũng có hàn gắn nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Do trong thời gian ly thân, Anh H lơ là, không quan tâm vợ con, không chu cấp tiền bạc để nuôi con, mà thường xuyên nhậu và tham gia tệ nạn xã hội (đánh số đề, cá độ đá banh); chị N có khuyên Anh H nhiều lần lo làm ăn, đừng tham gia tệ nạn xã hội, nhậu nhẹt để lo cho vợ con nhưng Anh H không nghe. Chị N nhận thấy tính tình Anh H không thể thay đổi được, từ lúc ly thân đến nay tình cảm vợ chồng phai nhạt, chị N không còn tình cảm với Anh H, không muốn hàn gắn để chung sống với Anh H nữa. Ngoài ra, trong thời gian ly thân, Anh H thường xuyên có lời lẽ không tốt về cha mẹ chị N, nói cha mẹ chị N là đồ không biết điều, gia đình chị N không tốt đẹp gì hết, không tôn trọng cha mẹ và gia đình chị N, nên làm chị N cảm thấy thất vọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào tiếp tục chung sống với Anh H được.

Chị N và Anh H có 01 con chung tên Lê Đỗ Cẩm L, sinh ngày 07/11/2018. Từ lúc chị N và Anh H ly thân cho đến nay cháu L sống với chị N tại địa chỉ: số nhà 532, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay, chị N ở nhà làm nội trợ và phụ giúp ba mẹ chị N buôn bán thu nhập của chị N khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

Trong thời gian chị N và Anh H chung sống với nhau và kết hôn, anh chị không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

Chị Đỗ Thị Cẩm N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Đỗ Thị Cẩm N yêu cầu ly hôn với Anh Lê Văn H.

- *Về con chung*: Chị Đỗ Thị Cẩm N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Đỗ Cẩm L, sinh ngày 07/11/2018 đến khi cháu L thành niên, không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Anh Lê Văn H trình bày*:

Chị Đỗ Thị Cẩm N và Anh Lê Văn H chung sống với nhau tổ chức đám cưới vào năm 2017 và đăng ký kết hôn ngày 28/3/2019, tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn anh chị có quen biết, tìm hiểu nhau từ năm 2015 đến khi đám cưới. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Việc chị N trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như nêu trên là không

đúng. Trong thời gian chị N và Anh H chung sống với nhau thì cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống giữa vợ chồng, không đáng kể, mà nguyên nhân chủ yếu do chị N nghe lời cha mẹ ruột, muốn ly hôn với Anh H. Chị N và Anh H ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2020 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, Anh H và gia đình Anh H có hàn gắn cho anh chị đoàn tụ, chung sống với nhau, nhưng chị N không đồng ý. Anh H thừa nhận khi vợ chồng mâu thuẫn ly thân, anh có buồn nên nhậu và chơi bời, nhưng hiện nay anh chỉ lo làm ăn chung với gia đình.

Chị N và Anh H có 01 con chung tên Lê Đỗ Cẩm L, sinh ngày 07/11/2018. Từ lúc chị N và Anh H ly thân cho đến nay cháu L sống với chị N tại địa chỉ: số nhà 532, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Anh H không thống nhất giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng, mà Anh H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu L đến khi cháu L thành niên, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, Anh H là tài xế xe tải và phụ giúp gia đình, thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng.

Trong thời gian chị N và Anh H chung sống với nhau và kết hôn, anh chị không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Cẩm N, bị đơn Anh Lê Văn H có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn H không đồng ý ly hôn với chị Đỗ Thị Cẩm N, do anh còn thương vợ con.

- Về con chung: Anh Lê Văn H không thống nhất giao cháu Lê Đỗ Cẩm L, sinh ngày 07/11/2018 cho chị N được quyền nuôi dưỡng, mà Anh H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu L đến khi cháu L thành niên, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Cẩm N: Cho chị Đỗ Thị Cẩm N được ly hôn với Anh Lê Văn H; Giao cháu Lê Đỗ Cẩm L, sinh ngày 07/11/2018 cho chị Đỗ Thị Cẩm N được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu L thành niên, Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 02/3/2021 của chị Đỗ Thị Cẩm N (bản chính).

- Trích lục kết hôn giữa chị Đỗ Thị Cẩm N và Anh Lê Văn H (bản sao).

- Giấy khai sinh của cháu Lê Đỗ Cẩm L (bản sao).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).
- Bản khai ngày 07/5/2021 của Anh Lê Văn H (bản chính).
- Biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2021 của chị Đỗ Thị Cẩm N (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Cẩm N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Văn H cư trú tại ấp 3, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Cẩm N và Anh Lê Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2019, tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Đỗ Thị Cẩm N và Anh Lê Văn H là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đỗ Thị Cẩm N xác định: Trong thời gian anh chị chung sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, Anh H không quan tâm và lo cho vợ con, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với Anh H, nên không thể chung sống với nhau được. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị N và Anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Cẩm N đối với Anh Lê Văn H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị N và Anh H có 01 con chung tên Lê Đỗ Cẩm L, sinh ngày 07/11/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N và Anh H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L. Xét thấy, từ khi anh chị ly thân đến nay cháu L sống với chị N tại số nhà 532, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; cháu L là nữ, hiện nay còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc chu đáo của mẹ.

Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định như sau:

“3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”

Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định cho cháu L, cần tiếp tục giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng đến khi cháu L thành niên là phù hợp.

Do chị N không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và Anh H xác định anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị Cẩm N phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Cẩm N.

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Cẩm N được ly hôn với Anh Lê Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Đỗ Cẩm L, sinh ngày 07/11/2018 cho chị Đỗ Thị Cẩm N được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu L thành niên. Anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Đỗ Thị Cẩm N không yêu cầu.

Chị Đỗ Thị Cẩm N và Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Đỗ Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0014455 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị Đỗ Thị Cẩm N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn H không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 2;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Bạch Phiến